

QUYẾT ĐỊNH

Về việc bổ sung một số nội dung vào Quy chế đào tạo trình độ đại học ban hành kèm theo Quyết định số 1727/QĐ-ĐHSPKT ngày 06 tháng 9 năm 2021 của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP.HCM

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 937/QĐ-TTg ngày 30 tháng 6 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-HĐT ngày 08 tháng 01 năm 2021 của Hội đồng trường ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 99/NQ-HĐT ngày 21 tháng 10 năm 2022 của Hội đồng trường về công tác cán bộ lãnh đạo trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP.HCM;

Căn cứ Quy chế đào tạo trình độ đại học kèm theo Quyết định số 1727/QĐ-ĐHSPKT ngày 06 tháng 9 năm 2021 và Quyết định số 1914/QĐ-ĐHSPKT ngày 28 tháng 6 năm 2022 của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Biên bản họp số 2380/BB-HĐKHĐT ngày 23 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng khoa học và đào tạo trường;

Theo đề nghị của Trường phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung vào Quy chế đào tạo trình độ đại học các nội dung:

✓ Điều chỉnh, bổ sung khoản 4; Bảng 2 và điểm a của khoản 4 Điều 11. Đánh giá và tính điểm học phần như sau:

4. Điểm học phần được tính từ tổng các điểm thành phần nhân với trọng số tương ứng, được làm tròn tới một chữ số thập phân. Các điểm thành phần được đánh giá theo thang điểm 10, giảng viên phụ trách học phần nhập điểm vào hệ thống quản lý trực tuyến, hệ thống quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4; cách quy đổi điểm từ thang điểm 10 sang thang điểm chữ và thang điểm 4 được thực hiện theo Bảng 2; Nếu điểm cuối kỳ của học phần đạt dưới 3.0 (ba phẩy) và nhỏ hơn điểm học phần tính từ tổng các điểm thành phần nhân với trọng số tương ứng thì lấy điểm cuối kỳ làm điểm học phần. Riêng đối với chương trình vừa làm vừa học đào tạo theo niên chế được quy định tại điểm c của khoản này.

Bảng 2: Thang điểm đánh giá và quy đổi điểm

Thang điểm 10	Quy đổi điểm chữ	Quy đổi thang điểm 4	Phân loại
9,0 – 10	A+	4,0	Đạt
8,5 – 8,9	A	3,7	
8,0 – 8,4	B+	3,5	
7,0 – 7,9	B	3,0	
6,5 – 6,9	C+	2,5	
5,5 – 6,4	C	2,0	
5,0 – 5,4	D+	1,5	
4,0 – 4,9	D	1,0	Không đạt
< 4,0	F	0,0	

a) Học phần chỉ được tính tích lũy khi đạt từ điểm D+ trở lên.

✓ Điều chỉnh, bổ sung Phụ lục 2 như sau: nội dung đính kèm.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ học kỳ 2 năm học 2022-2023 và áp dụng từ khóa 2021 trở đi.

Điều 3. Trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, PĐT (2).

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
KỸ THUẬT
TP. HỒ CHÍ MINH
PGS. TS. Lê Hiếu Giang

Phụ lục 2

QUY ĐỊNH VỀ CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ

(Kèm theo Quyết định số 456 /QĐ-ĐHSPKT ngày 06 tháng 02 năm 2023 của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh)

1. Chuẩn đầu ra ngoại ngữ các chương trình đào tạo giảng dạy bằng tiếng Việt được quy định dựa vào tiếng Anh hoặc tiếng Nhật hoặc các ngoại ngữ khác như tiếng Pháp, Đức, Trung, Nga từ bậc 3 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam; Chuẩn đầu ra ngoại ngữ các chương trình đào tạo giảng dạy bằng tiếng Anh được quy định dựa vào tiếng Anh; chuẩn đầu ra ngoại ngữ các chương trình đào tạo chất lượng cao Việt Nhật được quy định dựa vào tiếng Nhật.

2. Sinh viên phải có một trong các chứng chỉ sau: chứng chỉ tiếng Anh quốc tế (TOEIC, IELTS, TOEFL iBT, TOEFL ITP), tiếng Nhật (JLPT, NATTEST, JLAN), tiếng Pháp (CIEP/Alliance française diplomas), tiếng Đức (Goethe – Institut, The German TestDaF language certificate), tiếng Trung (HSK), tiếng Nga (TPKI) hoặc tham dự kỳ thi tiếng Anh đầu ra do nhà trường tổ chức để được xét tốt nghiệp theo quy định tại Điều 16 của Quy chế này. Chuẩn đầu ra ngoại ngữ của các hệ đào tạo được quy định tại các Bảng P2.1 và P2.2.

Bảng P2.1: Chuẩn đầu ra ngoại ngữ các hệ đào tạo giảng dạy bằng tiếng Việt

Hệ đào tạo	Tiếng Anh (Toeic)	Tiếng Nhật	Tiếng Pháp	Tiếng Đức	Tiếng Trung	Tiếng Nga
Đại học chính quy đại trà	550	N4, J4	TCF: 300-399 Văn bằng DELF B1 Diplôme de Langue	Goethe-Zertifikat B1 hoặc TestDaF Bậc 3 (TDN 3)	HSK Bậc 3	TPKI-1
Đại học chính quy chất lượng cao tiếng Việt	600	N4, J4				
Đại học vừa làm vừa học	500	N4, J4				
Đại học chính quy chất lượng cao Việt Nhật	-	N3, J3	-	-	-	-

Bảng P2.2: Chuẩn đầu ra ngoại ngữ các hệ đào tạo giảng dạy bằng tiếng Anh

Hệ đào tạo	Tiếng Anh
Đại học chính quy chất lượng cao tiếng Anh	IELTS 6.0
Đại học chính quy dạy hoàn toàn bằng tiếng Anh	IELTS 6.0
Đại học chính quy chuyên ngữ tiếng Anh	C1

3. Các mức điểm trong các Bảng P2.1 và P2.2 là điểm tối thiểu sinh viên cần đạt từ các chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế. Sinh viên có thể sử dụng bảng quy đổi điểm ngoại ngữ tương đương giữa các chứng chỉ theo Quy định chuyển đổi điểm các học phần ngoại ngữ dành cho các chương trình đào tạo đại học không chuyên ngữ hiện hành.

4. Sinh viên nộp chứng chỉ ngoại ngữ đạt mức điểm trên trở lên trong quá trình học sẽ được xét đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ khi xét tốt nghiệp. Cách nộp: vào các tuần đầu đăng ký môn học hoặc trước khi xét tốt nghiệp theo thông báo của phòng Đào tạo, chứng chỉ còn hiệu lực tại thời điểm nộp.